

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP NÔNG HỘ CANH TÁC TÔM - LÚA TẠI HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Ngô Ngọc Tồn¹, Lê Ngọc Danh^{1*}, Huỳnh Thị Thu Linh², Hà Trần Như Anh³, Trần Thanh Chúc³

¹ Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kiên Giang

² Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang

³ Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kiên Giang

*Tác giả liên hệ: ledanh121308@gmail.com

Ngày nhận bài: 07.03.2022

Ngày chấp nhận đăng: 27.09.2022

TÓM TẮT

Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là rất cấp thiết nhằm xác định được các yếu tố ảnh hưởng đáng kể và đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài nghiên cứu đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả, hồi quy đa biến xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ canh tác tôm - lúa tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Sau khi thu thập và xử lý số liệu, kết quả điều tra 304 nông hộ tìm ra 9 yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ bao gồm: tuổi, giới tính, trình độ học vấn, số năm kinh nghiệm, số lượng lao động, diện tích, giống được kiểm định, vay vốn và tập huấn. Trong đó, có 4 yếu tố tác động chính đến thu nhập nông hộ ở An Biên, đó là: số năm kinh nghiệm, diện tích, vay vốn và tập huấn. Số liệu xử lý cụ thể của 4 yếu tố chính như sau: số năm kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp trung bình là 10 năm; diện tích đất sản xuất trung bình là 20.717,11m²; tỷ lệ vay vốn là 71,38%; tỷ lệ tham gia tập huấn là 45,72%. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập như: nông hộ nên tiếp cận thêm các phương tiện thông tin đại chúng về sản xuất nông nghiệp để nâng cao nhận thức, tích lũy kinh nghiệm; đồng thời, địa phương cần theo chặt, gắn bó với nông hộ để đưa ra các chính sách phù hợp, xác đáng với nông hộ; tăng cường thêm nguồn lực như: diện tích, vốn để gia tăng năng suất và chất lượng, từ đó, cải thiện thu nhập.

Từ khóa: Phân tích, yếu tố ảnh hưởng, tôm - lúa, thu nhập, nông hộ, huyện An Biên.

Analyzing Factors Affecting the Income of Shrimp-rice Farming Households in An Bien District, Kien Giang Province

ABSTRACT

The study of factors affecting household income in An Bien district, Kien Giang province is very urgent to identify the factors that significantly affect and propose solutions to improve income for farmers in the study area. To achieve the above research objectives, the research topic used descriptive statistical methods, and multivariable regression to determine the factors affecting the income of shrimp-rice farming households in An Bien district, Kien province. After collecting and processing data, the survey results of 304 farmers found 9 factors affecting household income including age, sex, education level, number of years of experience, number of worker's activities, acreage, and varieties inspected, loaned, and trained. Which, there are 4 main factors affecting farm household income in An Bien, namely: number of years of experience, area, loan, and training. Specific processing data of the four main factors are as follows: the average number of years of experience in agricultural production is 10 years; the average production land area is 20,717.11m²; the loan rate is 71.38%; the training participation rate is 45.72%. From there, the article proposes some solutions to improve income such as farmers should access more mass media on agricultural production to raise awareness and accumulate experience, at the same time, the locality needs to closely follow and stick with farmers to come up with appropriate and appropriate policies for farmers; increase more resources such as area, capital to increase productivity and quality, thereby, improve income.

Keywords: Shrimp-rice farming, income influencing factors, An Bien district.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiên Giang là tỉnh có nông dân chiếm trên 70% dân số, lao động trong sản xuất nông nghiệp trên 50% (Niên giám Thống kê tỉnh Kiên Giang, 2020). Vị trí địa lý nằm dọc bờ biển phía Tây thường xuyên đối phó xâm nhập mặn, đất đai bị nhiễm phèn, năng suất lúa không được cao (Nguyễn Thùy Trang & cs., 2018). Những năm gần đây, tỉnh đã phải tìm ra những mô hình kinh tế thích hợp với ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng và không chấp nhận quy hoạch tiểu vùng mà nông dân chỉ sản xuất “có ăn” trong một vài vụ, một vài năm rồi sau đó không hiệu quả, ngừng canh tác, môi trường ô nhiễm, ảnh hưởng tiêu cực, biến động đến toàn vùng, để lại hậu quả lớn. Trong những năm gần đây, Kiên Giang đã chuyển đổi hàng chục nghìn hecta ruộng lúa ven biển sang nuôi tôm và luân canh lúa, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Mô hình không chỉ thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng mà còn tận dụng được lợi thế của các tỉnh ven biển, với hơn 200km bờ biển, vừa đảm bảo cho nông dân sản xuất hiệu quả, thu về hai nguồn lợi kinh tế là lúa và tôm, vừa giải quyết được mâu thuẫn “mặn - ngọt” đan xen trên đồng đất. Năm 2020, tỉnh có kế hoạch thả nuôi tôm nước lợ với diện tích 130.700ha, sản lượng thu hoạch là 85.000 tấn. Trong đó, diện tích nuôi tôm lúa là 100.000ha, sản lượng 48.500 tấn (Tổng cục Thống kê, 2020).

Huyện An Biên là một trong những huyện áp dụng mô hình tôm - lúa đầu tiên của tỉnh Kiên Giang. Những năm qua, huyện An Biên thực hiện nhiều chủ trương chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí lại cây trồng vật nuôi theo hướng đa dạng hóa; cùng với việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất theo mô hình luân canh 01 vụ tôm - 01 vụ lúa trên đất sản xuất lúa 02 vụ. Năm 2020, tổng diện tích tôm - lúa trên địa bàn huyện là 11.000ha. Mặc dù mức sống của người dân dần được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều nông dân chưa thể vươn lên thoát nghèo. Xuất phát từ những vấn đề như đã nêu trên nên tác giả đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ khi canh tác tôm - lúa tại huyện An

Biên, tỉnh Kiên Giang, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông hộ huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Thu nhập được xem là một phần tiền thưởng cho người chủ sở hữu các yếu tố sản xuất cố định như đất đai, vốn, lao động khi đưa các yếu tố này tham gia vào quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm (FAO, 2007; Đinh Phi Hồ & Hoàng Thị Thu Huyền, 2021).

Thu nhập nông hộ trong canh tác mô hình tôm - lúa, nguồn lợi nhuận từ nuôi tôm đóng góp lớn cho tổng lợi nhuận. Mặc dù không mang lại lợi nhuận cao cho mô hình nhưng nhiều nghiên cứu trước đó cho thấy trồng lúa góp phần giúp tăng năng suất tôm từ đó giúp gia tăng lợi nhuận nuôi tôm, vì vậy nông hộ vẫn duy trì sản xuất vụ lúa (Nguyễn Thùy Trang & cs., 2018).

Thu nhập tính theo bình quân đầu người/năm là tổng các nguồn thu nhập của hộ/năm chia đều cho số thành viên trong gia đình.

Theo FAO (2007) xác định thu nhập của nông hộ như sau:

Tổng thu nhập của hộ = Tổng giá trị nông sản thu về - tổng chi phí cho các yếu tố đầu vào - chi phí thuê lao động - chi phí lãi vay - chi phí thuê đất.

Tuổi của chủ hộ có ảnh hưởng đến thu nhập và là một trong những nhân tố tác động đến phân tầng về mức sống của hộ. Những hộ này có thời gian lao động sản xuất và tích lũy nhiều năm nên cũng thuận lợi hơn về điều kiện sống và sản xuất. Vì vậy, đa số những hộ có chủ hộ lớn tuổi sẽ có nhiều vốn, tài sản do quá trình tích lũy nhiều năm, có điều kiện thuận lợi để sản xuất, nâng cao thu nhập (Đinh Phi Hồ & Phạm Ngọc Dưỡng, 2011; Đỗ Văn Quân, 2013; Lê Xuân Thái, 2014).

Giới tính theo quan niệm trước đây, đa phần nam giới là trụ cột chính trong gia đình - lo việc đồng án. Nhưng ngày nay, nữ giới cũng góp phần không nhỏ, hoặc tương đương với nam

giới trong mọi việc kể cả đồng áng để nâng cao thu nhập của gia đình. Song, số lượng nữ giới tham gia vào hoạt động sản xuất vẫn chỉ chiếm một phần nhỏ đối với những địa phương có đặc thù truyền thống văn hóa đang trong giai đoạn hội nhập, kiến thiết (Chu Thị Kim Loan & Nguyễn Văn Hương, 2015).

Trình độ học vấn quyết định lợi thế của mỗi người trong việc tạo ra thu nhập bởi học vấn cao sẽ dễ tiếp thu, áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất và sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác. Bên cạnh đó, học vấn cũng giúp tăng cường khả năng nắm bắt và xử lý thông tin thị trường để tạo ra cơ hội tham gia các hoạt động phi nông nghiệp, qua đó làm tăng thu nhập (Ellis, 1998; Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011; Trần Thanh Dũng & Nguyễn Ngọc Đệ, 2016; Yang, 2004).

Chủ hộ tích lũy được càng nhiều kinh nghiệm trong quá trình sản xuất nông nghiệp thì thu nhập bình quân của hộ gia đình càng cao. Kinh nghiệm sản xuất là yếu tố quan trọng quyết định năng suất lao động, từ đó nâng cao thu nhập bình quân của hộ gia đình nông thôn (Abdulai & CroleRees, 2001; Lê Xuân Thái, 2014; Yang, 2004).

Số lượng lao động là nhân tố quan trọng giúp hộ tăng thu nhập trong điều kiện sản xuất ít cơ giới hóa. Hộ nông dân chủ nhân sử dụng lao động trong gia đình để phụ giúp sản xuất, ít thuê mướn lao động, từ đó có thể cân, đo, đong, đếm để hạn chế chi phí nhân công (Lê Xuân Thái, 2014; Nguyễn Lan Duyên, 2014; Lê Đình Hải, 2017).

Trong khu vực đất nông nghiệp, đất đai là một bộ phận không thể thiếu của nền nông nghiệp. Do phần lớn thu nhập của gia đình phụ thuộc vào quá trình sản xuất nông nghiệp, nên quá trình sản xuất nông nghiệp ở nước ta chủ yếu dựa vào tư liệu sản xuất là ruộng đất. Do đó, diện tích đất càng lớn thì thu nhập càng lớn. Việc thiếu đất sản xuất hạn chế khả năng tăng thu nhập của người nông dân, do diện tích đất nhỏ nên khó áp dụng các kỹ thuật nông nghiệp hiện đại (Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011; Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam, 2011).

Giống được kiểm định nuôi sẽ nhanh lớn hơn so với không qua kiểm dịch, lợi nhuận kinh

tế cao hơn. Chính vì vậy, chọn đúng loại giống được kiểm định để nuôi sẽ quyết định năng suất và thu nhập của nông hộ (Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011; Yu & Zhu, 2013).

Việc vay vốn làm giảm hạn chế đầu tư vốn của nông dân nông thôn, đồng thời là yếu tố quan trọng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập, thay đổi phương thức sản xuất, ứng dụng công nghệ nông nghiệp mới (Nguyễn Lan Duyên, 2014; Lê Khương Ninh, 2011; Võ Thành Khởi, 2015).

Tập huấn giúp nông dân gia tăng kỹ thuật sản xuất, tiếp cận khoa học kỹ thuật tiên tiến. Khi áp dụng kiến thức tập huấn vào sản xuất thì năng suất cao hơn các nông hộ không tham gia tập huấn (Nguyễn Thùy Trang & cs., 2018).

2.2. Mô hình nghiên cứu

Phân tích hồi quy là nghiên cứu sự phụ thuộc của một biến vào nhiều biến khác với ý tưởng cơ bản là ước lượng hay dự đoán giá trị trung bình của biến phụ thuộc trên cơ sở đã biết của biến độc lập. Trên cơ sở lý thuyết, nghiên cứu xây dựng mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các nông hộ như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1X_1 + \beta_2X_2 + \beta_3X_3 + \beta_4X_4 + \beta_5X_5 + \beta_6X_6 + \beta_7X_7 + \beta_8X_8 + \beta_9X_9 + \varepsilon \quad (1)$$

Trong mô hình (1), Y là tổng thu nhập của nông hộ (triệu đồng/năm). Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu của các hệ số β trong mô hình (1) được trình bày trong bảng 1.

2.3. Phương pháp thu thập số liệu

2.3.1. Số liệu thứ cấp

Là số liệu thu thập từ các bài báo, tổng cục thống kê và kết quả nghiên cứu của những nghiên cứu trước đây trong và ngoài nước liên quan đến thu nhập nông hộ nuôi tôm - lúa.

2.3.2. Số liệu sơ cấp

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp 10 chuyên gia và 304 nông hộ có sản xuất tôm - lúa tại huyện An Biên (4 xã: Hưng Yên, Tây Yên, Đông Thái, Nam Thái), đây là 4 xã có số hộ canh tác tôm - lúa lớn nhất huyện An Biên.

Bảng 1. Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu của các hệ số β

Tên biến	Diễn giải	Đơn vị đo lường	Kỳ vọng về dấu của các hệ số β
Biến phụ thuộc			
Y	Tổng thu nhập của nông hộ canh tác tôm - lúa	Triệu đồng/năm	
Biến độc lập			
X ₁	Tuổi nông hộ	Năm	+
X ₂	Giới tính	1 = nữ; 0 = nam	+
X ₃	Trình độ học vấn	Lớp	+
X ₄	Kinh nghiệm sản xuất	Năm	+
X ₅	Số lao động trực tiếp	Người	+
X ₆	Diện tích	m ²	+
X ₇	Giống được kiểm định	1 = có; 0 = không	+
X ₈	Vay vốn	1 = có; 0 = không	+
X ₉	Tập huấn	1 = có; 0 = không	+

Cỡ mẫu: Để số quan sát có tính đại diện, nghiên cứu áp dụng công thức xác định mẫu của Slovin (1984) như sau:

$$n = N / (1 + N \times e^2) = 1.265 / (1 + 1.265 \times (0,05)^2) = 304$$

Trong đó: n: là cỡ mẫu cần thu thập; N: là tổng thể mẫu; e : sai số cho phép.

Theo báo cáo năm 2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kiên Giang, nghiên cứu đã chọn 4 xã (Hưng Yên, Tây Yên, Đông Thái và Nam Thái) có số hộ lớn nhất, với tổng số 1.265 hộ nuôi tôm trong khu vực nghiên cứu. Để đảm bảo độ tin cậy cao nghiên cứu tiến hành khảo sát trực tiếp 320 nông hộ canh tác tôm - lúa tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp chọn mẫu xác suất ngẫu nhiên có hệ thống. Mỗi xã được phân bổ 80 phiếu và sau khi thu thập và loại bỏ các sai sót trong phiếu, tác giả đã giữ lại 304 phiếu để xử lý dữ liệu.

Đối tượng khảo sát: nông hộ sản xuất tôm - lúa tại An Biên.

Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn bằng phương pháp hỏi trực tiếp nông hộ với bảng câu hỏi cấu trúc.

Thời gian lấy số liệu sơ cấp: từ ngày 01/06/2020 đến ngày 30/12/2020.

2.4. Phương pháp phân tích

2.4.1. Phương pháp thống kê mô tả

Phân tích trung bình, độ lệch chuẩn, lớn nhất, nhỏ nhất, mô tả đặc điểm của nông hộ canh tác tôm - lúa và mô tả đặc điểm mô hình sản xuất.

2.4.2. Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính

Để phân tích hồi quy đa biến thông qua kiểm định đa cộng tuyến (VIF), kiểm định phương sai sai số và mô hình hiệu chỉnh phương sai số chuẩn mạnh. Ước lượng hồi quy cho mô hình (1) nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ canh tác tôm - lúa tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang qua phần mềm Stata 14.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm nông hộ canh tác tôm - lúa

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Theo kết quả khảo sát 304 nông hộ ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thì khu vực này chủ yếu là dân số già, độ tuổi trung bình của nông hộ là 49 tuổi. Tỷ lệ chủ nông hộ là nam giới chiếm 64,47%, còn lại là nông hộ nữ. Trình độ

học vấn tương đối thấp, trung bình là trình độ 7/12, thấp nhất là không được đi học và rất ít hộ có trình độ cao là đại học. Số năm kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp của người dân nơi đây khá dày dặn, trung bình là 10 năm, cũng có những hộ chỉ mới tham gia sản xuất nông nghiệp với 1 năm kinh nghiệm nhưng cũng có hộ lên đến 30 năm. Số lượng lao động trung bình của mỗi hộ là 4 người, thấp nhất là 2 người và cao nhất là 7 người. Những số liệu này phù hợp với mặt bằng chung về thông tin xã hội của nông dân tại tỉnh Kiên Giang (Tổng cục Thống kê, 2020; Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011).

Diện tích đất sản xuất trung bình là 20.717,11m², nhỏ nhất là 4.000m² và lớn nhất là 80.000m². Tỷ lệ giống nuôi trồng có kiểm dịch chiếm 75%. Tỷ lệ vay vốn là 71,38%. Tỷ lệ tham gia tập huấn là 45,72%. Kết quả số liệu thống kê phù hợp với tình hình thực tế về đặc điểm tự nhiên, địa lý và xã hội ở An Biên, tương thích với một số công trình nghiên cứu khác (Nguyễn

Thùy Trang & cs., 2018; Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011).

3.1.2. Đặc điểm thu nhập nông hộ

Nông hộ có nguồn thu nhập từ mô hình nuôi tôm - lúa cao hơn các nguồn thu nhập khác, chiếm 77,66% trên tổng số thu nhập có được của hộ/năm, nhiều nông hộ cho rằng lợi nhuận từ nuôi tôm - lúa nhiều hơn từ trồng lúa trước đó. Qua kết quả khảo sát cho thấy, nông hộ có nguồn thu nhập từ nuôi tôm - lúa với mức trung bình là 176,80 triệu đồng/năm thấp nhất là 60 triệu đồng/năm, vẫn cao hơn các hoạt động thu nhập khác của nông hộ và cao nhất lên đến 850 triệu đồng/năm. Bên cạnh thu nhập chính từ mô hình nuôi tôm - lúa thì nông hộ còn tạo thêm một số nguồn thu nhập khác như: làm thuê, buôn bán, chăn nuôi và từ nguồn khác, so về mặt hiệu quả kinh tế thì thu nhập từ mô hình tôm - lúa vẫn cao hơn rất nhiều so với các nguồn thu khác của nông hộ (Nguyễn Thùy Trang & cs., 2018).

Bảng 2. Đặc điểm tự nhiên của nông hộ canh tác tôm - lúa

Đặc điểm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Tuổi (năm)	49	13	24	70
Tỷ lệ nam (%)	64,47			
Trình độ học vấn (năm)	7	3	0	15
Kinh nghiệm sản xuất (năm)	10	6	1	30
Lao động (người)	4	1	2	7
Diện tích (m ²)	20.717,11	8.572,67	4.000	80.000
Giống được kiểm định (%)	75			
Có vay vốn (%)	71,38			
Có tập huấn (%)	45,72			

Bảng 3. Thu nhập của nông hộ từ hoạt động sinh kế (triệu đồng/năm)

Hoạt động sinh kế	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Thu nhập từ lúa - tôm	176,80	91,27	60	850
Thu nhập từ làm thuê	14,49	4,21	10,4	22
Thu nhập từ buôn bán	13,32	4,05	8,3	20
Thu nhập từ chăn nuôi	14,35	3,93	10,2	22
Thu nhập từ nguồn khác	8,71	2,16	7,4	20
Tổng thu nhập	227,67	-	-	-

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng thu nhập nông hộ canh tác tôm - lúa

Để xem xét mối quan hệ tương quan giữa biến phụ thuộc (tổng thu nhập nông hộ) với các biến độc lập (Tuổi (X_1), Trình độ học vấn (X_2), Giới tính (X_3), Kinh nghiệm sản xuất (X_4), Lao động (X_5), Diện tích (X_6), Giống được kiểm định (X_7), Vay vốn (X_8), Tập huấn (X_9)). Kết quả ước lượng trong mô hình có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, độ phóng đại phương sai (VIF) của các biến là 2,77 nhỏ hơn nhiều so với 10 cho thấy các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến (Mai Văn Nam, 2008). Đồng thời, kết quả kiểm định phương sai sai số thay đổi (Hetttest) có $\text{Prob} > \chi^2 = 0,0000 < 5\%$, tức là mô hình có hiện tượng phương sai sai số thay đổi nên mô hình đã được điều chỉnh bằng mô hình sai số chuẩn mạnh. Kết quả mô hình được hiệu chỉnh bằng sai số chuẩn mạnh chỉ ra các yếu tố có ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình R^2 hiệu chỉnh bằng 0,8876, có nghĩa: mô hình giải thích 88,76% ý nghĩa sự tác động của biến độc lập lên biến phụ thuộc, còn 11,24% được giải thích bởi các nhân tố khác mà chưa có điều kiện đưa vào mô hình.

Từ bảng thống kê phân tích các hệ số hồi quy cho 9 biến độc lập đưa vào mô hình nghiên cứu thì có 5 biến (Tuổi, giới tính, trình độ học vấn, lao động, chất lượng giống được kiểm định),

có mức ý nghĩa lớn hơn 10% đồng nghĩa với việc các biến độc lập này không có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc thu nhập.

Mức ý nghĩa 4 biến (Kinh nghiệm sản xuất, diện tích, vay vốn, tập huấn) có mức ý nghĩa nhỏ hơn 1% nên các biến độc lập này có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc là thu nhập và được sắp theo thứ tự ưu tiên như sau:

Biến kinh nghiệm sản xuất (X_4) có hệ số ước lượng dương ở mức ý nghĩa 1% cho thấy ảnh hưởng cùng chiều của số năm kinh nghiệm sản xuất đến thu nhập nông hộ, với hệ số $\beta = 0,895$ tức là khi số năm kinh nghiệm tăng lên 1 năm thì thu nhập của nông hộ tăng lên 895.000 đồng/năm. Có nghĩa là khi số năm kinh nghiệm càng cao thì thu nhập nông hộ càng cao (Yang, 2004; Lê Xuân Thái, 2014; Abdulai & CroleRees, 2001).

Biến diện tích (X_6) có hệ số ước lượng dương ở mức ý nghĩa 1%, cho thấy ảnh hưởng cùng chiều của diện tích đất của chủ hộ đến thu nhập, với hệ số $\beta = 0,009$ có nghĩa là khi diện tích tăng lên 1m^2 thì thu nhập của nông hộ sẽ tăng 9.000 đồng/năm. Có nghĩa là khi diện tích càng lớn thì thu nhập của nông hộ càng cao (Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011; Nguyễn Lan Duyên, 2014; Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam, 2011).

Bảng 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ canh tác tôm - lúa

Các yếu tố	Đơn vị tính	Hệ số ước lượng	Mức ý nghĩa
Tuổi (X_1)	Năm	-0,091	$P < 0,445$
Giới tính (X_2)	1 = nữ; 0 = nam	4,287	$P < 0,279$
Trình độ học vấn (X_3)	Lớp	-0,099	$P < 0,86$
Kinh nghiệm sản xuất (X_4)	Năm	0,895	$P < 0,004$
Lao động (X_5)	Người	-4,876	$P < 0,571$
Diện tích (X_6)	m^2	0,009	$P < 0,000$
Giống được kiểm định được kiểm định (X_7)	1 = có; 0 = không	6,743	$P < 0,110$
Vay vốn (X_8)	1 = có; 0 = không	-29,568	$P < 0,000$
Tập huấn (X_9)	1 = có; 0 = không	22,525	$P < 0,007$
Số quan sát			304
R-square (R^2)			0,8876
Mức ý nghĩa của F			0,000

Biến vay vốn (X_8) có hệ số ước lượng âm ở mức ý nghĩa 1%, với hệ số $\beta = -29,568$ tức là khi sử dụng nguồn vay vốn không đúng cách thì thu nhập của nông hộ sẽ có thể giảm 29,568 triệu đồng/năm (Nguyễn Lan Duyên, 2014; Võ Thành Khôi, 2015).

Biến tập huấn (X_9) có hệ số ước lượng dương ở mức ý nghĩa nhỏ hơn 1% cho thấy ảnh hưởng cùng chiều của việc tập huấn đến thu nhập nông hộ, với hệ số $\beta = 22,525$ tức là khi có tập huấn thì thu nhập của nông hộ tăng 22,525 triệu đồng/năm (Nguyễn Thùy Trang & cs., 2018; Nguyễn Lan Duyên, 2014).

3.3. Các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ khi canh tác tôm - lúa tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

3.3.1. Tập huấn

Hiện nay, đối với người nông dân, vấn đề tập huấn khuyến nông cũng đã trở thành một nhu cầu tất yếu của quá trình sản xuất nông nghiệp của gia đình và xã hội. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu của nông dân và nâng cao trình độ hiểu biết của họ, các trạm khuyến nông cần:

(1) Tăng số lượng các lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân, số lượng các khoá học phù hợp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi của địa phương; (2) Đổi mới việc soạn thảo tài liệu và tập huấn giảng dạy; (3) Những người tham gia tập huấn cũng cần xem xét có bao nhiêu hộ gia đình trong mỗi thôn và cộng đồng có thể tham gia tập huấn. Các hộ gia đình này phải phân bổ đều các điểm trong thôn và cộng đồng, sao cho sau khi tập huấn, các nông dân giữa các hộ được tham gia tập huấn, có thể giao lưu, trao đổi kiến thức khuyến nông đã được tập huấn, có tác động lan tỏa trong cộng đồng.

3.3.2. Kinh nghiệm sản xuất

Kinh nghiệm cần phải có thời gian lâu dài và được tích lũy qua quá trình sản xuất từ những thành công và thất bại, từ đó giúp người nông dân nhận ra điểm đúng và lỗi sai để có thể phát huy hay khắc phục sửa chữa. Ngoài việc học tập từ chuyên gia, nông dân có thể tự trao đổi kinh nghiệm với nhau, ghi chú lại những thông tin cần thiết để có thể vận dụng lại được.

Kinh nghiệm sản xuất không chỉ được trải nghiệm trên lời nói hay sách vở, mà kinh nghiệm cần được rèn giũa ngay chính trên môi trường thực tế để tạo tiền đề cho sau này.

3.3.3. Diện tích

Điều kiện và chất lượng đất ở các vùng khác nhau và lợi ích kinh tế cũng khác nhau. Sau nhiều năm sản xuất, độ phì nhiêu của đất thay đổi nên người sản xuất cần có chế độ chăm sóc đất luân phiên khác nhau để bảo vệ đất. Đối với người nuôi tôm - lúa nên sử dụng diện tích đất canh tác một cách tối ưu, phân tãg thời gian và bố trí nuôi trồng tôm - lúa phù hợp với mùa vụ. Nếu có nguồn vốn thì có thể mở rộng thêm diện tích canh tác (thuê, mượn), giảm chi phí cố định là đất sử hữu, để dành tích lũy chi phí biến đổi làm vốn cho chất lượng giống hoặc thiết bị máy móc. Nếu người nông dân muốn nâng cao thu nhập thì đây cũng là giải pháp để tối ưu hóa sức lao động của gia đình, vì khi sở hữu diện tích đất canh tác lớn sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, chăm sóc, như tăng năng suất của người nông dân.

3.3.4. Vay vốn

Vốn cho sản xuất là vấn đề được tất cả các ngành kinh tế quan tâm, nó là nhân tố quan trọng quyết định phương hướng và quy mô sản xuất. Các nguyên nhân dẫn đến nông hộ sử dụng nguồn vốn không hiệu quả có thể là do thủ tục vay vốn nhà nước quá rườm rà, trình độ của bà con nông dân còn thấp, dẫn đến vay mượn bên ngoài với lãi suất cao. Vì vậy, chính quyền địa phương cần: (1) Đa dạng hóa việc hỗ trợ tín dụng cho nông dân. (2) Mở rộng hoạt động cho vay hộ nghèo, về mức vay, thủ tục vay, thời hạn vay,... phải liên hệ chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, địa phương và hệ thống khuyến nông, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tài chính của người nghèo; (3) Người nông dân thiếu đất, không có đất sản xuất cần được vay vốn ưu đãi, được bố trí đất sản xuất theo diện tích, ngành nghề và điều kiện sản xuất cụ thể của địa phương.

4. KẾT LUẬN

Vấn đề bất cập lớn nhất ở nghiên cứu này chính là sự trăn trở của bà con nông dân về vốn.

Vì theo nghiên cứu thực tiễn, đa số bà con nông dân còn khó khăn là do người nông dân thiếu vốn, nhận thức và sử dụng vốn sai. Từ đó, lệch lạc trong nhận thức, trong tư duy về vốn, vay mượn đầu tư không hiệu quả. Nghiên cứu này, với mong muốn thay đổi lối mòn trong tư duy của bà con, tính mới ở đây là khuyến khích bà con nhận thức sâu sắc hơn về vốn vay, để bà con có thể có cái nhìn đa chiều về vốn và tạo nguồn sinh kế hiệu quả hơn với nguồn vốn đó. Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng, một số giải pháp cũng đã được đề xuất nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abdulai A. & CroleRees A. (2001). Determinants of Income Diversification amongst Rural Households in Southern Mali. *Food Policy*. 26(4): 437-452.
- Chu Thị Kim Loan & Nguyễn Văn Hương (2015). Ảnh hưởng của nguồn lực đến thu nhập của nông hộ tỉnh Thanh Hóa: nghiên cứu điển hình ở huyện Thọ Xuân và Hà Trung. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 13(6): 1051-1060.
- Đinh Phi Hồ & Phạm Ngọc Dưỡng (2011). Năng suất lao động nông nghiệp chìa khóa của tăng trưởng, thay đổi cơ cấu kinh tế và thu nhập nông dân. *Tạp chí Kinh tế phát triển*. 247: 16-22.
- Đinh Phi Hồ & Hoàng Thị Thu Huyền (2021). Một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ vùng Trung du ở tỉnh Phú Thọ. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. 236: 26-30.
- Đỗ Văn Quân (2013). Phát triển kinh tế hộ gia đình trong tiến trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Hồng. *Tạp chí Lý luận Chính trị*. 54(56): 71-76.
- Ellis F. (1998). Household strategies and rural livelihood diversification. *The journal of development studies*. 35(1): 1-38.
- FAO (2007). Handbook on Rural Household's Livelihood and Well-Being: Statistics on Rural Development and Agriculture Household Income. United Nation, New York and Geneva. pp. 207-222.
- Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam (2011). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ chăn nuôi gia cầm ở Đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 17b: 87-96.
- Lê Đình Hải (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*. 4: 162-171.
- Lê Khương Ninh (2011). Giải pháp hạn chế tín dụng phi chính thức ở nông thôn. *Tạp chí Ngân hàng*. 5: 52-57.
- Lê Xuân Thái (2014). Các yếu tố ảnh hưởng thu nhập của nông hộ trong các mô hình sản xuất trên đất lúa tại Tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 35: 79-86.
- Mai Văn Nam (2008). *Giáo trình Kinh tế lượng*. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
- Niên giám thông kê tỉnh Kiên Giang. *Tình hình kinh tế xã hội 2020*, NXB thống kê (2020).
- Nguyễn Lan Duyên (2014). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*. 3(2): 63-69.
- Nguyễn Quốc Nghi, Trần Quế Anh & Bùi Văn Trịnh. (2011). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh - Kinh tế và Quản trị kinh doanh*. 6(3): 66-72.
- Nguyễn Thùy Trang (2018). Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình lúa - tôm tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 54(9D): 149-156.
- Tổng cục Thống kê (2020). *Niên giám thống kê - Số liệu thống kê dân số và lao động năm 2019*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Trần Thanh Dũng & Nguyễn Ngọc Đệ (2016). Sinh kế của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 44: 106-113.
- Võ Thành Khởi (2015). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre. *Tạp chí Khoa học Đại học Trà Vinh*. 18: 59-65.
- Yang D. (2004). Education & Allocative Efficiency. Household Income Growth during Rural Reforms in China. *Journal of Development Economics*. 74(1): 137-162.
- Yu J. & Zhu G. (2013). How Uncertain Is Household Income in China. *Economics Letters*. 120(1): 74-78.